TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **81**/2023/DS-ST
Ngày:03-8-2023
V*/v:"Tranh chấp hợp đồng góp hụi"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hải
2. Ông Nguyễn Thanh Phong

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trương Nguyễn Nhứt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú tham gia phiên tòa: Bà Lê Ánh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Vào ngày 03 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 196/2023/TLST-DS ngày 05/5/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2023/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2023; quyết định hoãn phiên tòa số: 67/2023/QĐST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Mỹ H**, sinh năm 1979; Trú tại: Số B, ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Trần Thị Mỹ H1**, sinh năm 1983; Trú tại: 2, ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Bến Tre (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Bà **Trần Thị Đ**, sinh năm 1963; Trú tại: Số E, ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Huỳnh Minh T**, sinh năm 1963; Trú tại: Số E, ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản làm việc, đơn yêu cầu vắng mặt nguyên đơn trình bày:

Từ khoảng năm 2011, bà H bắt đầu tham gia chơi nhiều dây hụi do bà Trần Thị Đ làm chủ, do dây hụi đã lâu nên không nhớ cụ thể ngày khui, ngày mãng hụi và số hụi viên. Vào ngày 31/10/2021, bà H và bà Đ có viết biên nhận về việc bà

Trần Thị Đ còn thiếu lại bà H tổng cộng là 338.200.000 đồng; có chữ ký xác nhận của bà Đ. Sau đó, bà Đ đã trả cho bà H được 101.140.000 đồng. Đến ngày 12/11/2021, bà Đ trả tiếp được số tiền 6.628.720 đồng. Hiện tại số tiền còn nợ lại bà H là 230.431.000 đồng, mặc dù đã đòi nhiều lần nhưng bà Đ không trả nợ như đã hứa.

Bà Trần Thị Mỹ H khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Đ và ông Huỳnh Minh T liên đới trả số tiền hụi còn nợ là 230.431.000 đồng; yêu cầu tiền lãi tính từ ngày Tòa án thụ lý vụ án đến ngày Tòa án xét xử xong vụ kiện.

Bị đơn bà Trần Thị Đ, ông Huỳnh Minh T vắng mặt không có lời trình bày.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng là vi phạm khoản 16 Điều 70 và khoản 1 Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 227, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 357, 468 Bộ luật Dân sự, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Trần Thị Đ và ông Huỳnh Minh T liên đới trả số tiền hụi còn nợ là 230.431.000 đồng; tiền lãi tính từ ngày Tòa án thụ lý vụ án với mức lãi suất 0,83%/tháng đến ngày Tòa án xét xử xong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị Đ, ông Huỳnh Minh T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng; đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự là phù hợp quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn bà Trần Thị Đ có nơi cư trú tại ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Bà Trần Thị Mỹ H khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Đ và ông Huỳnh Minh T liên đới trả số tiền hụi còn nợ là 230.431.000 đồng; yêu cầu tiền lãi tính từ ngày Tòa án thụ lý vụ án với mức lãi suất 0,83%/tháng đến ngày Tòa án xét xử xong vụ án.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà Trần Thị Mỹ H cung cấp 02 biên nhận viết tay, có chữ ký của bà Trần Thị Đ. Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý cùng hồ sơ khởi kiện photo của nguyên đơn cho bà Trần Thị Đ và ông Huỳnh Minh T. Căn cứ vào các biên bản xác minh ngày 09/5/2023; 15/5/2023 của TAND huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre tại UBND xã G và Công an xã G, huyện T, tỉnh Bến Tre thể hiện bà Đ và ông T có con chung là Huỳnh Minh T1, sinh năm 1993 và hiện tại đang sống chung với nhau tại số E, ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Bến Tre. Bà Trần Thị Đ và ông Huỳnh Minh T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần. Bà Đ, ông T không đưa ra ý kiến phản hồi đối với các tài liệu chứng cứ cũng như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều này cho thấy bà Đ, ông T đã mặc nhiên thừa nhận việc mình còn nợ số tiền như nguyên đơn yêu cầu và là nợ chung của bà Đ, ông T. Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mỹ H, buộc bà Trần Thị Đ và ông Huỳnh Minh T liên đới trả số tiền hụi còn nợ là 230.431.000 đồng. Về lãi suất, nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày Tòa án thụ lý vụ án đến ngày Tòa án xét xử xong vụ án là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận. Từ ngày thụ lý vụ án (ngày 05/5/2023) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 03/8/2023) là 02 tháng 28 ngày, do đó tiền lãi bà Trần Thị Đ và ông Huỳnh Minh T liên đới chịu là (230.431.000 đồng x 0,83%/tháng x 02 tháng) + (230.431.000 đồng x 0,028%/ngày x 28 ngày) = 5.632.000 đồng. Tổng cộng số tiền bà Trần Thị Đ và ông Huỳnh Minh T liên đới trả cho bà Trần Thị Mỹ H là 236.063.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Bà Trần Thị Đ và ông Huỳnh Minh T phải liên đới chịu theo quy định.

- Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Trần Thị Mỹ H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 357; Điều 463; Điều 466; 468; Điều 469; Điều 471 Bộ Luật dân sự 2015;

- Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 227, Điều 228, Điều 147; khoản 1 Điều 273; Điều 277 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mỹ H đối với bà Trần Thị Đ và ông Huỳnh Minh T về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi. Buộc bà Trần Thị Đ và ông Huỳnh Minh T có trách nhiệm liên đới trả cho cho bà Trần Thị Mỹ H số

tiền nợ gốc là 230.431.000 (Hai trăm ba mươi triệu bốn trăm ba mươi mốt nghìn) đồng và tiền lãi là 5.632.000 đồng (Năm triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn) đồng. Tổng cộng số tiền bà Trần Thị Đ và ông Huỳnh Minh T có trách nhiệm liên đới trả cho cho bà Trần Thị Mỹ H là 236.063.000 đồng (Hai trăm ba mươi sáu triệu không trăm sáu mươi ba nghìn) đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

2. Về án phí dân sự có giá ngạch:

- Bà Trần Thị Đ và ông Huỳnh Minh T phải liên đới chịu là 11.803.000 (Mười một triệu tám trăm lẻ ba nghìn) đồng.

- Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Mỹ H số tiền tạm ứng án phí là 6.762.750 (Sáu triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn bảy trăm năm mươi) đồng theo biên lai thu số 0005686 ngày 04/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND X. Giao Thạnh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Huỳnh Minh Hiền